

Numbers: Chữ số

Bài 1: Viết chữ cái còn thiếu.

		
0. two	1. ni_e	2. eig_t
		
3. o_e	4. sev_n	5. f_ve
		
6. t_n	7. fo_r	8. th_ee

Bài 2: Sắp xếp các chữ cái tạo thành số đúng

0. net -  <u>ten</u>	5. rofu  _____
>	->
1. vense -> _____	6. theig _____
>	->
2. veif - _____	7. xis _____
>	->
3. neni ->  _____	8. wot  _____
>	->
4. noe -> _____	9. teehr - _____
>	>

Bài 3: Viết đáp án đúng

1.	three	+	four	=	seven
2.	ten	-	five	=	
	two	+	eight	=	
3.					
4.	six	-	five	=	
5.	seven	-	three	=	
6.	five	+	two	=	
7.	eight	-	six	=	

Greetings: Chào hỏi

A. VOCABULARY:

Hello /he'lou/=

Hi /hai/: xin chào



I /ai/: tôi



You /ju:/: bạn



How /hau/:
như thế nào



Fine /faɪ/:
khỏe, tốt



Goodbye
/,ɡʊd'baɪ/
: tạm biệt



Bye /baɪ/
: tạm biệt



Thank you
/'θæŋk ju:/
: cảm ơn

1. Chào hỏi và giới thiệu tên

* Hello = Hi: xin chào

Hello, I'm Ben. – Hi, Ben. I'm Mai.

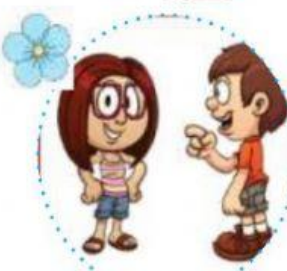
(Xin chào, Tôi là Ben. – Chào Ben, Tôi là Mai.)

2. Hỏi thăm sức khỏe

-How are you? (Bạn khỏe không?)

->I'm fine, thank you (Tôi khỏe, cảm ơn.)

Bài 4: Viết chữ cái còn thiếu

 3. y__u	 4. h__	 5. goo__bye
		

Bài 5: Sắp xếp các chữ cái để tạo thành từ đúng

0. ih		<u>hi</u>	3. doog bey	-> 	_____
->					
1. oy u	-	_____	4. nefi		_____
>			->		
2. lehol	-	_____	5. ohw		_____
>			->		

Bài 6: Điền từ thích hợp vào ô trống

dialogue



I'm Goodbye fine you hello



Nga: (0) Hello, Hoa. How are (1) _____?

Hoa: Hi, Nga. I'm (2) _____, thanks. And you?

Nga: (3) _____ fine, thank you. Goodbye, Hoa.

Hoa: (4) _____, Nga.

Bài 7: Sắp xếp từ thành câu

series

1. I'm/ Hello,/ Lucy/.

-> _____

2. Mai / Hi,/ Minh. / I'm /.

> _____

3. Minh/ Goodbye, /.

-

> _____

4. you, / are/ How/ Lan /?

-

> _____

5. I'm/ thanks/ fine,/.

-

> _____